

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyền;
2. Ông Nguyễn Văn Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974; địa chỉ: Khu phố 3/131A, Nội ô B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm: 1966; địa chỉ: Khu phố 3/131A, Nội ô B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-7-2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu V chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn, gia đình hai bên có gặp mặt và đồng ý cho anh chị chung sống vợ chồng. Nữ trang trong ngày gặp mặt

gồm 01 sợi dây chuyền và 01 đôi bông tai. Hiện số nữ trang không còn do vợ chồng đã bán hết. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị ở khu phố 3/131A, Nội ô B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN. Quá trình chung sống anh V thường xuyên cờ bạc, có bao nhiêu tài sản đều bán dùng vào việc đánh bạc, còn gây nợ nần phải lấy tiền trong gia đình trả nợ. Chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không nghe, vợ chồng thường hay gây gổ, không ai quan tâm đến ai nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V1, sinh ngày 09-9-1996. Cháu V1 đang sống với anh V. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử các cấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23-8-2019, anh Nguyễn Hữu V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Tuy có nữ trang ngày cưới nhưng vợ chồng đã bán hết không còn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị N. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng gây gổ vì anh cờ bạc nhiều lần. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tổ tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Chị N được ly hôn với anh V. Về con chung: Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị N chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu V chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N yêu cầu ly hôn do anh V thường xuyên cờ bạc còn gây nợ nần, vợ chồng thường gây gổ nhau, không ai quan tâm đến ai. Anh V thừa nhận có ham mê cờ bạc và đồng ý ly hôn nhưng Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần anh không đến tham gia hòa giải và cả hai anh chị đều xin vắng mặt nên Tòa án không công nhận anh chị thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V1, sinh ngày 09-9-1996. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 228, **273** Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ly hôn của chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Hữu V. Chị N được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V1, sinh ngày 09-9-1996. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự sinh sống được, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009505 ngày 25-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, chị N đã nộp đủ.

Chị N và anh V vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- UBND Thị trấn GD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Trương Thị Bình